

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 4221/2009/QĐ-VIB ngày 29/12/2009

DANH MỤC PHÍ		MỨC PHÍ
QUẢN LÝ DÒNG TIỀN VÀ NGÂN QUỸ		
A	Kiểm đếm hộ	
I	Kiểm đếm hộ tiền VND/Ngoại tệ tại trụ sở của VIB	TT: 0.03% (TT: 10.000 đ/2USD); TĐ: 1.000.000đ/50USD hoặc thỏa thuận
II	Kiểm đếm tiền hộ KH tại nơi khách yêu cầu	TT: 0.04% (TT: 200.000 đ/20USD); TĐ: 1.000.000đ hoặc thỏa thuận
B	Thu chi hộ tiền mặt	
I	Thu hộ tiền mặt tại địa điểm yêu cầu	
1	Thu phí từng lần/địa điểm thu hộ	
1.1	Trong bán kính <= 5 km	TT: 0.05% (TT: 200.000đ/15USD); TĐ: thỏa thuận
1.2	Trong bán kính > 5 km, <= 10 km	TT: 0.07% (TT: 300.000/25USD); TĐ: thỏa thuận
1.3	Trong bán kính >10 km, <= 20 km	TT: 0.09% (TT: 400.000/30USD); TĐ: thỏa thuận
2	Thu phí ngày	
2.1	Tổng quãng đường đi 1 lượt trong ngày ≤ 20 km Và không thu quá 5 địa điểm	TT: 0.06% (TT: 450.000đ/40USD); TĐ: thỏa thuận
2.2	Tổng quãng đường đi 1 lượt trong ngày > 20 km, ≤ 40 km và không thu quá 03 địa điểm	TT: 0.08% (TT: 600.000/50USD); TĐ: thỏa thuận
II	Chi hộ tiền mặt tại địa điểm yêu cầu	
1	Trong bán kính <= 5 km	TT: 0.05% (TT: 150.000đ/15USD); TĐ: thỏa thuận
2	Trong bán kính > 5 km, <= 10 km	TT: 0.06% (TT: 200.000đ/20USD); TĐ: thỏa thuận
3	Trong bán kính >10 km, <= 20 km	TT: 0.07% (TT: 300.000đ/25USD); TĐ: thỏa thuận
C	Thu hộ/thanh toán tiền hóa đơn	
I	Thu hộ tiền hóa đơn	
1	Ký hợp đồng (dưới 30 món)	TT: 300.000đ/20 USD/tháng; TĐ: thỏa thuận
2	Từ món thứ 31	TT: 5.000đ/món; TĐ: thỏa thuận
II	Thanh toán tiền hóa đơn	
1	Thanh toán hóa đơn bằng chuyển khoản	
1.1	Chuyển khoản cho TK mở trong hệ thống VIB	
a	Ký hợp đồng (dưới 30 món)	TT: 300.000đ/20 USD/tháng; TĐ: thỏa thuận
b	Từ món thứ 31	TT: 5.000đ/món; TĐ: thỏa thuận
1.2	Chuyển khoản cho tài khoản khác hệ thống VIB	TT: Như mục 1.1 và thu thêm phí chuyển tiền khác hệ thống
2	Thanh toán hóa đơn bằng tiền mặt	
2.1	Thanh toán hóa đơn bằng tiền mặt tại địa điểm	Như mục B.II - Chi hộ tiền mặt
2.2	Thanh toán hóa đơn bằng tiền mặt tại quầy của VIB	
a	Ký hợp đồng (dưới 30 món)	TT: 300.000đ/20 USD/tháng; TĐ: thỏa thuận
b	Từ món thứ 31	TT: 5.000đ/món; TĐ: thỏa thuận

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 4221/2009/QĐ-VIB ngày 29/12/2009

DANH MỤC PHÍ		MỨC PHÍ
D	Chi hộ lương	
1	Chi hộ lương bằng chuyển khoản	
1	Theo hợp đồng	TT: 0.4% (TT: 300.000đ/25USD); TĐ: thỏa thuận
2	Theo món	
2.1	Người nhận lương có TK tại VIB	TT: 5.000đ/0.5USD/người (TT: 150.000đ/15USD); TĐ: thỏa thuận
2.2	Người nhận lương không có TK tại VIB	TT: 5.000đ/0.5USD/người + Phí chuyển tiền ngoài hệ thống (TT: 150.000đ/15USD); TĐ: thỏa thuận
E	Quản lý tài khoản tập trung	
1	Số TK phụ <10 tài khoản	TT: 400.000đ/tháng, TĐ: thỏa thuận
2	Số TK phụ ≥ 10 , < 15 tài khoản	TT: 600.000đ/tháng, TĐ: thỏa thuận
3	Số TK phụ ≥ 15 tài khoản	TT: 1.000.000đ/tháng, TĐ: thỏa thuận
F	Đổi tiền	
I	Đổi tiền VNĐ không đủ tiêu chuẩn lưu thông	
1	Số tiền đổi VNĐ có giá trị từ 500.000đ trở lên	TT: 3.0% (TT: 5.000đ), TĐ: thỏa thuận
2	Số tiền đổi VNĐ có giá trị dưới 500.000đ	TT: 4.0% (TT 5.000đ); TĐ: thỏa thuận
II	Đổi ngoại tệ	
1	Đổi ngoại tệ rách bản lấy mệnh giá tiền cùng loại	TT: 2% (TT: 5USD); TĐ: thỏa thuận
2	Đổi ngoại tệ	
2.1	Lấy mệnh giá nhỏ hơn	TT: Miễn phí; TĐ: thỏa thuận
2.2	Lấy mệnh giá cao hơn	TT: 2% (TT: 2 USD); TĐ: thỏa thuận
2.3	Lấy tiền VNĐ	TT: Miễn phí; TĐ: thỏa thuận
2.4	Lấy ngoại tệ khác	TT: 3% (TT: 2USD), TĐ: thỏa thuận
G	Cất, giữ hộ	
I	Giữ hộ tiền, vàng, tài sản quý giá	TT: 0.5%/tháng/giá trị kê khai (TT: 100.000đ); TĐ: thỏa thuận
II	Chứng khoán, giấy tờ có giá	TT: 0.3%/tháng/giá trị kê khai (TT: 500.000đ); TĐ: thỏa thuận
III	Giấy tờ khác	TT: 150.000đ/ngày/phong bì A4; TĐ: Thỏa thuận
H	Cho thuê két sắt	
I	Két sắt loại nhỏ (thể tích <0.03 m3)	TT: 300.000đ/tháng; TĐ: thỏa thuận
II	Két sắt loại trung (0.03m3 < thể tích < 0.06m3)	TT: 500.000đ/tháng; TĐ: thỏa thuận
III	Két sắt loại to (0.06m3< thể tích)	TT: 700.000đ/tháng; TĐ: thỏa thuận
I	Cung ứng séc	
I	Cung ứng séc trắng và các phương tiện thanh toán	TT: 15.000đ/quyển, TĐ: thỏa thuận
II	Thông báo mất séc	TT: 50.000 đ/tờ, TĐ: thỏa thuận
III	Bảo chi séc	TT: 15.000đ/tờ, TĐ: thỏa thuận
IV	Thu hộ séc do ngân hàng trong nước phát hành	TT: 10.000đ/tờ, TĐ: thỏa thuận
V	Thông báo Séc nhờ thu bị từ chối	Chi phí thực tế
VI	Thông báo séc không có khả năng thanh toán	TT: 15.000 đ/tờ, TĐ: thỏa thuận
K	Dịch vụ trọn gói	
I	Dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ trọn gói	TT: 300.000đ, TĐ: Thỏa thuận
II	Dịch vụ quản lý dòng tiền trọn gói	TT: 500.000đ, TĐ: Thỏa thuận